**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Trường:…………………………**

**Tổ:………………………………**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 2**

# I. MỤC TIÊU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **Mục tiêu** | **Mã hóa** |
| **1.Về năng lực**  **a.Năng lực sinh học** | | |
| Nhận thức sinh học | Hệ thống được các kiến thức đã học về cấu trúc tế bào một cách logic. | SH 1.8.1 |
| Vận dụng kiến thức kĩ năng đã học | Vận dụng các kiến thức đã học về tế bào để đưa ra những kết luận dựa trên hiện tượng quan sát được. | SH 3.1 |
| **b.Năng lực chung** | | |
| Tự chủ và tự học | Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập các nội dung về cấu trúc tế bào; biết tự điều chỉnh cách học tập môn Sinh học cho phù hợp. | TCTH 6.3 |
| Giao tiếp và hợp tác | Lựa chọn được hình thức làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | GTHT 3 |
| **2.Về phẩm chất** | | |
| Chăm chỉ | Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn khi học tập về cấu trúc tế bào. | CC 1.1 |

# II. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Phương pháp dạy học** | **Kĩ thuật dạy học** |
| Hoạt động 1: Khởi động | Hỏi - đáp | Hỏi - đáp |
| Hoạt động 2: Hệ thống hoá kiến thức | Hoạt động nhóm | Hỏi - đáp |
| Hoạt động 3: Luyện tập | Hoạt động nhóm | Khăn trải bàn |
| Hoạt động 4: Vận dụng | Giao bài tập | Giao bài tập |

# III.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| Hoạt động 1: Khởi động | Câu hỏi trắc nghiệm  Laptop, máy chiếu | Hoạt động cá nhân |
| Hoạt động 2: Hệ thống hoá kiến thức | Bảng hệ thống kiến thức theo chương  Laptop, máy chiếu | HS chia thành 4 nhóm  Các nhóm bầu nhóm trưởng và thư kí. |
| Hoạt động 3: Luyện tập | Laptop, máy chiếu | HS chia thành 4 nhóm  Các nhóm bầu nhóm trưởng và thư kí. |
| Hoạt động 4: Vận dụng | Laptop, máy chiếu | Hoạt động cá nhân hoàn thành bài vào vở bài tập |

# IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

## A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học (thời gian)** | **Mục tiêu**  **(mã hóa)** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1. Khởi động** |  | Câu hỏi | Kĩ thuật động não | Câu hỏi, vấn đáp |
| **Hoạt động 2: Hệ thống kiến thức** | SH 1.8.1, TCTH 6.3, GTHT 3, VĐST 3, CC 1.1 | Hệ thống hoá kiến thưc chương 3 | Dạy học theo nhóm | Bảng hệ thống kiến thức |
| **Hoạt động 3: Luyện tập** | SH 1.8.2  SH 3.1  TCTH 6.3  GTHT 3  VĐST 3  CC 1.1 | Câu 1-6 SGK/55 | Dạy học theo nhóm | Phiếu học tập |
| Hoạt động 4: Vận dụng |  |  | Giao bài tập | Vở bài tập, hình ảnh. |

## B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

### 1. Hoạt động 1. Khởi động

**a. Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú và tò mò cho HS trước khi bắt đầu bài học mới.

- Giúp học sinh ôn tập kiến thức chương 2 – Cấu trúc tế bào.

**b. Nội dung:**

GV đặt câu hỏi gợi mở để HS thoải mái nêu ý kiến.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Câu trả lời của học sinh (HS không nhất thiết phải trả lời đầy đủ).

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV đưa ra câu hỏi đặt vấn đề: Em hãy kể tên các chủ đề chúng ta đã học ở chương 2.

- GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, khuyến khích HS suy nghĩ và trả lời nhanh trong vòng 3 phút.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nhớ lại những kiến thức đã học ở chương 2, liên tiếp đưa ra phương án trả lời trong vòng 3 phút.

- HS ghi những chủ đề HS kể tên lên bảng.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Kết thúc 3 phút, HS mở lại sách để xem lại các chủ đề đã học.

- GV công bố các câu trả lời đúng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV biểu dương tinh thần xây dựng bài của HS và dẫn dắt vào bài học: *Như vậy là các em đã phần nào ghi nhớ được những nội dung kiến thức đã học trong chương 2. Để hệ thống hóa một cách chi tiết hơn về những chủ đề này, chúng ta hãy cùng bắt đầu bài học hôm nay – Bài* ***Ôn tập chương 2.***

### 2. Hoạt động 2. Hệ thống kiến thức

**a. Mục tiêu:**

SH 1.8.1, TCTH 6.3, GTHT 3, VĐST 3, CC 1.1

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ hệ thống hóa kiến thức (SGK tr.54) để HS nhớ lại các kiến thức đã học trong chương 2.

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Ai là triệu phú” để hệ thống hóa các kiến thức đã học trong chương 2: Cấu trúc tế bào.

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, mỗi nhóm là một đội chơi. Đội chơi nào đưa ra được nhiều câu trả lời đúng và nhanh nhất sẽ giành chiến thắng.

**c. Sản phẩm học tập:**

Các câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ hệ thống kiến thức SGK tr.54 để HS nhớ lại các kiến thức đã học ở chương 2: Cấu trúc tế bào.

- GV chuẩn bị bộ câu hỏi liên quan đến cấu trúc tế bào, mỗi câu hỏi gồm 4 phương án lựa chọn để tổ chức trò chơi Ai là triệu phú. *(Danh sách câu hỏi ở phần Hồ sơ học tập).*

- GV chia lớp thành 4 nhóm nhỏ, sắp xếp vị trí ngồi để các nhóm thuận tiện trao đổi, làm việc nhóm.

- GV phổ biến luật chơi cho HS: *Có tổng cộng 21 câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ có 4 phương án trả lời. Các đội chơi có thời gian suy nghĩ cho mỗi câu hỏi là 15s. Hết thời gian thảo luận, đội nào có tín hiệu xin trả lời nhanh hơn sẽ được đưa ra đáp án. Các đội khác có thể giành điểm nếu đội trả lời đầu tiên đưa ra đáp án sai. Mỗi câu trả lời đúng sẽ ghi được 1 điểm. Hết 21 câu hỏi, đội nào ghi được nhiều điểm hơn sẽ giành chiến thắng.*

- GV lần lượt chiếu các câu hỏi với 4 phương án lựa chọn lên slide và khuyến khích HS tích cực tham gia trò chơi.

- GV chọn ra 2 – 3 HS làm trọng tài và tính điểm.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm lắng nghe GV phổ biến luật chơi, thảo luận, tích cực tham gia hoạt động.

- GV theo dõi, gợi ý cho HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Các nhóm thi đua đưa ra phương án trả lời cho các câu hỏi ôn lại kiến thức.

- GV chốt đáp án đúng sau mỗi câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét quá trình tham gia hoạt động học tập của các nhóm, tuyên dương nhóm thắng cuộc.

**\* Dự kiến sản phẩm của học sinh: Câu trả lời cho các câu hỏi của HS trong trò chơi Ai là triệu phú.**

### 3. Hoạt động 3. Luyện tập

**a. Mục tiêu**

SH 1.8.2, Sh 3.1, TCTH 6.3, GTHT 3, VĐST 3, CC 1.1

**b. Nội dung:**

- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm gồm 4 – 5 HS), thảo luận và hoàn thành các bài tập luyện tập SGK tr.55.

- GV tổ chức cho HS bốc thăm để trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập sau:

***1.*** *Chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào nhân sơ trong hình dưới đây.*

*A close-up of a cell

Description automatically generated*

***2.*** *Các phát biểu sau đây là đúng hay sai? Giải thích.*

*a. Tế bào nhân sơ có kích thước nhỏ (3 - 7 μm), chưa có nhân hoàn chỉnh, trong tế bào chất chỉ có bào quan duy nhất là ribosome, không có các bào quan có màng bao bọc.*

*b. Tế bào nhân thực bao gồm tế bào thực vật, tế bào động vật và tế bào vi sinh vật.*

*c. Mọi cơ thể sinh vật sống đều được cấu tạo từ tế bào.*

*d. Vi khuẩn là những loài sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn bào.*

*e. Mỗi tế bào đều có ba thành phần cơ bản: lưới nội chất, tế bào chất và nhân tế bào.*

*g. Ribosome là bào quan duy nhất có ở tế bào nhân sơ.*

*h. Lục lạp là bào quan có ở các sinh vật có khả năng quang hợp như thực vật, vi khuẩn lam.*

*i. Chỉ có tế bào thực vật và tế bào nấm mới có thành tế bào.*

***3.*** *Khi bị mắc bệnh do vi khuẩn gây ra, bệnh nhân thường được kê đơn thuốc có chứa kháng sinh. Tại sao kháng sinh có thể tiêu diệt vi khuẩn mà ít gây ảnh hưởng đến tế bào người?*

***4.*** *Tại sao khi sử dụng các loại thuốc tiêu diệt các loài động vật kí sinh (giun tròn) thường ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người hơn so với các loại kháng sinh được sử dụng để chữa bệnh do vi khuẩn gây ra?*

***5.*** *Tại sao lá ở một số loài thực vật (tía tô, rau dền, huyết dụ,...) lại có màu đỏ hoặc tím trong khi lá ở các loài khác thì không?*

***6.*** *Khi hình dạng tế bào thay đổi có thể ảnh hưởng đến chức năng của tế bào, ví dụ: Tế bào hồng cầu bình thường có hình đĩa, khi bị đột biến có hình liềm (bệnh hồng cầu hình liềm). Hãy tìm hiểu thông tin về bệnh hồng cầu hình liềm và cho biết sự thay đổi hình dạng của tế bào hồng cầu đã gây ra những hậu quả gì.*

- GV giới hạn cho các nhóm thời gian thảo luận là 20 phút. Sau đó, GV mời đại diện các nhóm lên bốc thăm để trả lời các câu hỏi. Các nhóm bốc được số nào sẽ trả lời câu hỏi tương ứng với số thứ tự đó.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. HS ghi lại kết quả thảo luận của nhóm và chuẩn bị trình bày trước lớp.

- GV theo dõi, hỗ trợ HS khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận.

- GV khuyến khích HS đóng góp ý kiến, tranh luận, đặt câu hỏi,... để hiểu sâu vấn đề.

***\* Gợi ý:***

***1.*** *(1) Roi; (2) Lông; (3) Ribosome; (4) Tế bào chất; (5) DNA vùng nhân; (6) Màng sinh chất; (7) Thành tế bào; (8) Vỏ nhầy.*

***2.*** *a. Sai. Tế bào nhân sơ có kích thước từ 1 - 5 μm.*

*b. Sai. Vì tế bào vi sinh vật là tế bào nhân sơ.*

*c. Đúng. Theo học thuyết tế bào, mọi sinh vật sống đều được cấu tạo từ tế bào.*

*d. Đúng. Tất cả vi khuẩn đều là sinh vật đơn bào.*

*e. Sai. Mỗi tế bào có ba thành phần cơ bản là màng sinh chất, tế bào chất và nhân.*

*g. Đúng. Tế bào nhân sơ không có các bào quan có màng bao bọc.*

*h. Sai. Vi khuẩn là sinh vật nhân sơ, không có lục lạp.*

*i. Sai. Vi khuẩn cũng có thành tế bào.*

***3.*** *Do thuốc kháng sinh có tác dụng ức chế quá trình tổng hợp thành tế bào vi khuẩn nên có khả năng tiêu diệt vi khuẩn. Tế bào người không có thành tế bào nên không bị tác động.*

***4.*** *Do giun tròn và người đều là sinh vật nhân thực, đều được cấu tạo từ tế bào nhân thực nên có cấu tạo tế bào giống nhau. Trong khi đó, vi khuẩn là tế bào nhân sơ nên có nhiều điểm khác biệt. Vì vậy, thuốc tiêu diệt các loài động vật kí sinh thường ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người hơn so với các loại kháng sinh dùng để tiêu diệt vi khuẩn.*

***5.*** *Một số loài thực vật (tía tô, rau dền, huyết dụ,...) có l màu đỏ hoặc tím do trong lá có hàm lượng corotenoid cao hơn diệp lục.*

***6.*** *Hậu quả của bệnh hồng cầu hình liềm: các tế bào hồng cầu thay đổi hình dạng, có kích thước nhỏ hơn, dễ bị vỡ, khả năng vận chuyển oxygen rốt kém dẫn đến suy nhược cơ thể, thiếu máu, thêm chí suy tim. Bên cạnh đó, các tế bào hồng cầu hình liềm vón cục gây tắc các mạch máu nhỏ dẫn đến tổn thương não và các cơ quan; các tế bào này khi tích tụ gây tổn thương lá lách,...*

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV đánh giá, nhận xét bài làm của HS, chuẩn kiến thức và chuyển sang hoạt động tiếp theo.

### 4. Hoạt động vận dụng

**a. Mục tiêu:** Phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học và năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Nội dung:**

GV giao nhiệm vụ để HS thực hiện ngoài giờ học: *Thiết kế poster với chủ đề Cấu trúc tế bào.*

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS**

- GV giao nhiệm vụ để HS thực hiện ngoài giờ học: *Thiết kế poster với chủ đề Cấu trúc tế bào.*

- GV lưu ý HS có thể thực hiện nhiệm vụ theo nhóm nhỏ (mỗi nhóm không quá 3 HS). Sản phẩm poster cần ít chữ nhất có thể, hình ảnh minh họa sinh độn g, màu sắc hài hoà, trình bày hợp logic, dễ hiểu, dễ nhớ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện ngoài giờ học.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, kết thúc tiết học.

**\* Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn lại kiến thức đã học.

- Làm bài tập trong Sách bài tập Sinh học 10.

- Đọc và tìm hiểu trước *Bài Ôn tập chương 2.*

## C. HỒ SƠ HỌC TẬP

|  |
| --- |
| **CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ÔN TẬP CHƯƠNG 2**  **Câu 1:** Cho các ý sau:  (1) Vùng nhân không có màng bao bọc  (2) Có ADN dạng vòng  (3) Có màng nhân  (4) Có hệ thống nội màng  Trong các ý trên có những ý nào là đặc điểm chỉ có ở tế bào nhân sơ?  **A.** (1), (2) C. (3), (4)  B. (2), (3) D. (1), (3), (4)  **Câu 2:** Khung xương tế bào không có đặc điểm nào sau đây?  A. Gồm các thành phần: vi ống, vi sợi, sợi trung gian  B. Tạo hình dạng xác định cho tế bào động vật  C. Giúp tế bào di chuyển  **D.** Bảo vệ tế bào và các cơ quan  **Câu 3:** Điều kiện để xảy ra cơ chế vận chuyển thụ động có tính chọn lọc là:  A. Có ATP, kênh protein vận chuyển đặc hiệu  B. Kích thước của chất vận chuyển nhỏ hơn đường kính của lỗ màng, có sự chênh lệch nồng độ.  **C.** Kích thước của chất vận chuyển nhỏ hơn đường kính lỗ màng, có phân tử protein đặc hiệu  D. Có sự thẩm thấu hoặc khuếch tán  **Câu 4:** Trình tự di chuyển của protein từ nơi được tạo ra đến khi tiết ra ngoài tế bào là:  **A.** Lưới nội chất hạt → bộ máy Gôngi → màng sinh chất  B. Lưới nội chất trơn → lưới nội chất hạt → màng sinh chất  C. Bộ máy Gôngi → lưới nội chất trơn → màng sinh chất  D. Lưới nội chất hạt → riboxom → màng sinh chất  **Câu 5:** Đặc điểm chỉ có ở ti thể mà không có ở lục lạp là  A. Làm nhiệm vụ chuyển hóa năng lượng  B. Có ADN dạng vòng và riboxom  **C.** Màng trong gấp khúc tạo nên các mào  D. Được sinh ra bằng hình thức phân đôi  **Câu 6:** Lục lạp và ti thể là 2 loại bào quan có khả năng tự tổng hợp protein cho riêng mình. Vì lí do nào sau đây mà chúng có khả năng này?  A. Đều có màng kép và riboxom  **B.** Đều có ADN dạng vòng và riboxom  C. Đều tổng hợp được ATP  D. Đều có hệ enzyme chuyển hóa năng lượng  **Câu 7:** Khi hàm lượng colesteron trong máu vượt quá mức cho phép, người ta dễ bị các bệnh về tim mạch. Colesteron được tổng hợp ở  A. Lizoxom  B. Bộ máy Gôngi  C. Lưới nội chất hạt  **D.** Lưới nội chất trơn  **Câu 8:** Đặc điểm chỉ có ở lưới nội chất hạt mà không có wor lưới nội chất trơn là  **A.** Có đính các hạt riboxom  B. Nằm ở gần màng tế bào  C. Có khả năng phân giải chất độc  D. Có chứa enzim tổng hợp lipit  **Câu 9:** Điều nào dưới đây không phải là chức năng của bộ máy Gôngi?  A. Gắn thêm đường vào phân tử protein  **B.** Tổng hợp lipit  C. Tổng hợp một số hoocmon và bao gói các sản phẩm tiết  D. Tổng hợp nên các phân tử polisaccharide  **Câu 10:** Nếu màng của lizoxom bị vỡ thì hậu quả sẽ là  A. Tế bào mất khả năng phân giải các chất độc hại  B. Tế bào bị chết do tích lũy nhiều chất độc  C. Hệ enzim của lizoxom sẽ bị mất hoạt tính  **D.** Tế bào bị hệ enzim của lizoxom phân hủy  **Câu 11:** Ở tế bào cánh hoa, nhiệm vụ chính của không bào là:  **A.** Chứa sắc tố  B. Chứa nước và chất dinh dưỡng  C. Chứa giao tử  D. Chứa muối khoáng  **Câu 12:** Hệ miễn dịch của cơ thể chỉ tấn công tiêu diệt các tế bào lạ mà không tấn công các tế bào của cơ thể mình. Để nhận biết nhau, các tế bào trong cơ thể dựa vào  A. Màu sắc của tế bào  B. Hình dạng và kích thước của tế bào  **C.** Các dấu chuẩn “glicoprotein” có trên màng tế bào  D. Trạng thái hoạt động của tế bào  **Câu 13:** Có các nhận định sau về lục lạp và ti thể. Nhận định nào là không đúng?  A. Lục lạp cung cấp nguyên liệu (glucozo) cho quá trình hô hấp tế bào  B. Ti thể của tế bào thực vật là nơi chuyển hóa năng lượng trong glucozo thành ATP  **C.** Lục lạp là nơi chuyển hóa năng lượng ánh sáng mặt trời thành năng lượng trong ATP  D. Chu trình Crep và chuỗi truyền electron hô hấp được thực hiện ở trong ti thể  **Câu 14:** Nhập bào là phương thức vận chuyển  A. Nhờ sự biến dạng của màng tế bào  **B.** Nhờ sự biến dạng của màng tế bào và tiêu tốn ATP  C. Nhờ kênh protein đặc biệt xuyên màng  D. Nhờ hình thành các không bào tiêu hóa  **Câu 15:** Mô tả nào sau đây về riboxom là đúng?  A. Là thể hình cầu được cấu tạo từ rARN và protein đặc hiệu  **B.** Gồm hai tiểu phần hình cầu lớn và bé kết hợp lại, mỗi tiểu phần được hình thành từ sự kết hợp giữa rARN và các protein đặc hiệu  C. Gồm hai tiểu phần hình cầu kết hợp lại  D. Riboxom là một túi hình cầu, bên trong chứa các enzim thủy phân  **Câu 16:** Ở ống thận, nồng độ glucozo trong nước tiểu thấp hơn trong máu nhưng glucozo trong nước tiểu vẫn được thu hồi trở về máu. Phương thức vận chuyển được sử dụng ở đây là  A. Khuếch tán  B. Thẩm thấu  C. Xuất bào  **D.** Vận chuyển chủ động  **Câu 17:** Ở ruột non, các axit amin đi từ dịch ruột vào tế bào lông ruột chủ yếu theo con đường  **A.** khuếch tán trực tiếp  B. khuếch tán gián tiếp  C. hoạt tải  D. nhập bào  **Câu 18:** Khi xào rau, nếu cho muối lúc rau chưa chín thì thường làm cho các cọng rau bị teo tóp và rất dai. Nguyên nhân là vì  **A**. Nước trong tế bào thoát ra ngoài do có sự chênh lệch nồng độ muối trong và ngoài tế bào  B. Đã làm tăng nhiệt độ sôi dẫn tới rau bị teo lại  C. Muối đã phá vỡ các tế bào rau nên mỗi cọng rau chỉ còn các sợi xenlulozo  D. Cho muối làm giảm nhiệt độ sôi nên rau không chín mà bị teo tóp lại.  **Câu 19:** Rau đang bị héo, nếu chúng ta tưới nước vào rau thì sẽ có thể làm cho rau tươi trở lại. nguyên nhân là vì  A. Được tưới nước nên các tế bào rau đã sống trở lại  **B.** Nước thẩm thấu vào tế bào làm cho tế bào trương lên  C. Nước đã làm mát các tế bào rau nên các cọng rau đều xanh tươi trở lại  D. Có nước làm cho rau tiến hành quang hợp nên đã xạnh tươi trở lại  **Câu 20:** Ủ 10 hạt ngô (các hạt đều có khả năng nảy mầm) trong hai ngày, sau đó tách lấy phôi. Cho 5 phôi vào ống nghiệm, đun sôi cách thủy trong 5 phút. Tiến hành ngâm cả 10 phôi lên kính hiển vi để quan sát, mẫu thí nghiệm có màu xanh là:  A. Cả 10 phôi đều bắt màu xanh  **B.** Các phôi không được đun cách thủy bắt màu xanh  C. Có một số phôi của cả hai loại trên bắt màu xanh  D. Các phôi được đun cách thủy bắt màu xanh  **Câu 21:** Khi bị viêm họng, bị đau răng sâu, nếu ngậm nước muối loãng thì sẽ làm hạn chế được bệnh. Nước muối loãng đã làm cho:  A. vi sinh vật gây bệnh bị chết  **B.** vi sinh vật gây bệnh bị bất hoạt do tế bào bị co nguyên sinh  C. vi sinh vật gây bệnh bị bất hoạt do nước muối có chất độc hại  D. vi sinh vật gây bệnh bị bất hoạt do chất nguyên sinh bị biến tính |